

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K,
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16- 05-2022
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị NB

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị D

2/ Bà Đỗ Thị Lệ H

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh S - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng D – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 422/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Lê Quế H, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: 119C Nguyễn Thị T, khu vực H, phường T, quận C, thành phố C.

-Bi đơn: Ông Tô Tấn T, sinh năm: 1982.

ĐKTT: Đường NQ, phường A, quận K, TP. C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/06/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn Lê Quế H trình bày:

Bà Lê Quế H và ông Tô Tấn T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận K, thành phố C. Thời gian đầu, ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu

thuần do tính cách không hợp nhau. Mặc dù ông bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: ông bà có 02 con chung Tô L nam), sinh ngày: 04/06/2017 và Tô A (nữ), sinh ngày: 13/07/2020. Bà H yêu cầu được nuôi con. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: ông Tô Tấn T vắng mặt.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- **Về tuân theo pháp luật tố tụng:** Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

- **Về nội dung giải quyết vụ án:** đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Quế H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Quế H và ông Tô Tấn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận K, thành phố C nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tô Tấn T có nơi cư trú tại: Đường NQ, phường A, quận K, thành phố C. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Quế H và ông Tô Tấn T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2017. Nguyên nhân bà H yêu cầu ly hôn: là do bất đồng quan điểm, có mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, hiện tại bà H không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu ly hôn. Do đó yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Bà H và ông T có 02 con chung: Tô L (nam), sinh ngày: 04/06/2017 và Tô A (nữ), sinh ngày: 13/07/2020. Bà H yêu cầu được nuôi con. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng, hiện tại các cháu còn nhỏ và đang sống với bà H nên 02 giao cháu cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà H trình bày không có. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Lê Quế H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Quế H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Quế H được ly hôn với ông Tô Tấn T.

- Về con chung: Giao cháu Tô L (nam), sinh ngày: 04/06/2017 và Tô A (nữ), sinh ngày: 13/07/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Giành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Quế H trình bày không có. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Quế H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001377 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành án phí nguyên đơn phải nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Tp.C;
- VKSND Q.K;
- Chi cục THADS Q.K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị NB